

Số: 13 /NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
Chương trình tiên tiến ngành Kỹ thuật xây dựng (chuyên sâu Xây dựng công trình giao thông)
của Trường Đại học Giao thông Vận tải**

Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục (sau đây gọi là Hội đồng), Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội đã họp ngày 19/02/2017 để thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình tiên tiến (CTTT) ngành Kỹ thuật xây dựng (chuyên sâu Xây dựng công trình giao thông (XD CTGT) của Trường Đại học Giao thông Vận tải (ĐH GTVT). Hội đồng đã nghiên cứu hồ sơ thẩm định gồm Báo cáo tự đánh giá của CTĐT, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài CTĐT, báo cáo thẩm định kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan. Hội đồng đã nghe đại diện Lãnh đạo Trường báo cáo tóm tắt về CTĐT, đại diện Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài báo cáo tóm tắt quy trình và tổng hợp kết quả đánh giá ngoài. Trên cơ sở đó, Hội đồng đã thảo luận về kết quả đánh giá chất lượng CTTT ngành Kỹ thuật xây dựng (chuyên sâu XD CTGT) của Trường ĐH GTVT và đã bỏ phiếu thông qua với tỉ lệ 100% tán thành.

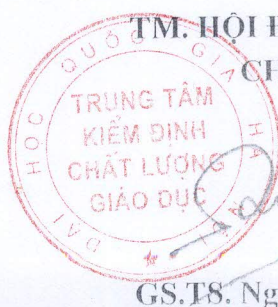
Căn cứ kết quả thảo luận, bỏ phiếu của Phiên họp, Hội đồng

QUYẾT NGHỊ:

1. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng (chuyên sâu XD CTGT) của Trường ĐH GTVT đã thực hiện khảo sát chính thức để đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng (chuyên sâu XD CTGT) từ ngày 14 đến ngày 19/01/2017 theo nguyên tắc độc lập, khách quan, công khai, minh bạch; đã gửi bản Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT hoàn thiện cho Nhà trường (qua Trung tâm) theo đúng các quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của CTĐT. Nhà trường cũng đồng ý với kết quả đánh giá chất lượng CTĐT của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng CTTT ngành Kỹ thuật xây dựng (chuyên sâu XD CTGT) của Trường ĐH GTVT cho thấy, số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 44 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm 88%, trong đó, mỗi tiêu chuẩn đều có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong Phụ lục 1).

2. Kết quả đánh giá cho thấy, bên cạnh những điểm mạnh, CTTT ngành Kỹ thuật xây dựng (chuyên sâu XD CTGT) còn những điểm cần phải khắc phục, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng. Căn cứ Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và kết quả thảo luận tại Phiên họp của Hội đồng, Hội đồng kiến nghị với Nhà trường 11 nhóm giải pháp (chi tiết trong Phụ lục 2).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho CTTT ngành Kỹ thuật xây dựng (chuyên sâu XD CTGT) của Trường ĐH GTVT theo quy định hiện hành.

TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD
CHỦ TỊCH

GS.TS. Nguyễn Quý Thanh

Phụ lục 1.

**Kết quả đánh giá chất lượng Chương trình tiên tiến ngành Kỹ thuật xây dựng
(chuyên sâu xây dựng Công trình giao thông) của Trường Đại học Giao thông Vận tải**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 13 /NQ-HĐKĐCL ngày 20 tháng 02 năm 2017
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KDCLGD-ĐHQGHN)*

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1	5	4	2	66.67
Tiêu chí 1.2	3			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1	5	4.33	2	66.67
Tiêu chí 2.2	3			
Tiêu chí 2.3	5			
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1	4	3.67	2	66.67
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1	5	4.67	3	100
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	5			
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1	5	4.20	4	80
Tiêu chí 5.2	5			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
Tiêu chuẩn 6				
Tiêu chí 6.1	3	4.29	6	85.71
Tiêu chí 6.2	5			
Tiêu chí 6.3	5			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	5			
Tiêu chí 6.7	4			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7				
Tiêu chí 7.1	4	4	5	100
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 8.1	5	4.20	5	100
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 9				
Tiêu chí 9.1	4	3.80	4	80
Tiêu chí 9.2	3			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 10.1	5	4.50	6	100
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	5			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	5			
Tiêu chuẩn 11				
Tiêu chí 11.1	4	4.60	5	100
Tiêu chí 11.2	5			
Tiêu chí 11.3	5			
Tiêu chí 11.4	4			
Tiêu chí 11.5	5			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
4.20	44	88

Phụ lục 2.

Các kiến nghị cải tiến chất lượng giáo dục đối với Chương trình tiên tiến ngành Kỹ thuật xây dựng (chuyên sâu xây dựng Công trình giao thông) của Trường Đại học Giao thông Vận tải (Kèm theo Nghị quyết số: 13 /NQ-HĐKĐCL ngày 20 tháng 02 năm 2017 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD-DHQGHN)

Chương trình tiên tiến (CTTT) ngành Kỹ thuật xây dựng (chuyên sâu xây dựng Công trình giao thông) của Khoa Đào tạo Quốc tế, Trường Đại học Giao thông Vận tải đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục đối với CTTT ngành Kỹ thuật xây dựng (chuyên sâu xây dựng Công trình giao thông) giai đoạn 2011-2016 cho thấy Chương trình có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau:

Mục tiêu giáo dục/Triết lý giáo dục của CTTT được xác định cơ bản phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường, Khoa; được thể hiện cụ thể thông qua chuẩn đầu ra; được phổ biến tới cán bộ, giảng viên và người học. Đội ngũ giảng viên tham gia thực hiện CTTT có năng lực chuyên môn tốt, được bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy hiện đại tại Trường Đại học Leeds (Vương quốc Anh) và đã tích cực áp dụng trong giảng dạy chương trình. Chương trình dạy học sử dụng 52,5% các học phần của Trường đối tác. Chương trình dạy học, bản mô tả chương trình đào tạo (CTĐT), đề cương chi tiết các học phần được tổ chức rà soát, điều chỉnh năm 2014, 2016; được công khai trên trang thông tin điện tử của Khoa. Nội dung CTTT có tính tích hợp, logic; các học phần có đóng góp cụ thể vào việc hình thành và phát triển các năng lực chuẩn đầu ra cho sinh viên. Công tác tuyển sinh được thực hiện hàng năm; có yêu cầu kiểm tra tiếng Anh đầu vào; có chính sách hỗ trợ học bổng, tư vấn học tập, khuyến khích người học nghiên cứu khoa học. Cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ học tập, thực hành được đầu tư hiện đại, đáp ứng yêu cầu. Các hoạt động dạy và học được thiết kế cơ bản thúc đẩy được việc rèn luyện các năng lực chung, năng lực chuyên biệt. Cách thức đánh giá kết quả học tập thể hiện sự tương thích với yêu cầu của chuẩn đầu ra. Các tiêu chí về tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát. Nhà tuyển dụng đánh giá cao trình độ chuyên môn và khả năng tiếng Anh của sinh viên tốt nghiệp CTTT.

Tuy nhiên, Chương trình vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục (cụ thể chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường/Khoa xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

(i). Rà soát, hoàn thiện ma trận chuẩn đầu ra các học phần đảm bảo gắn kết với chuẩn đầu ra của CTĐT; mô tả các chuẩn đầu ra rõ ràng và ngắn gọn dưới dạng các năng lực tổ hợp về kiến thức, kỹ năng và thái độ mà người học cần đạt được và mức độ đạt được các năng lực chung và năng lực chuyên biệt dựa trên các thang bậc nhận thức của Bloom và thể hiện rõ sự nổi trội khác biệt so với chuẩn đầu ra của CTĐT hệ chuẩn tương ứng.

(ii). Ban hành đầy đủ đề cương chi tiết cho tất cả các học phần trong CTTT; rà soát, bổ sung đầy đủ các thông tin cần thiết và cập nhật, trong đó xác định rõ phương pháp dạy học gắn liền với việc đạt được chuẩn đầu ra và mục tiêu của CTTT, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp, nhất là thang đánh giá đảm bảo đo lường được mức độ người học đạt được các chuẩn đầu ra của học phần và của CTTT.

(iii). Rà soát, điều chỉnh các nội dung chương trình dạy học để thể hiện rõ sự gắn kết với chuẩn đầu ra trong việc giải quyết các vấn đề thực tiễn của ngành; nhóm các khối kiến thức chuyên môn thành các modul kiến thức và gắn kết với tập hợp một số yêu cầu của chuẩn đầu ra nhằm tạo cho sinh viên có được kỹ năng chuyên môn tích hợp, khả năng nhận thức công nghệ, kỹ thuật; xây dựng sơ đồ thể hiện rõ sự gắn kết chặt chẽ giữa chuẩn đầu ra của CTĐT và mục tiêu/ chuẩn đầu ra của các học phần, đảm bảo mọi mục tiêu cấp học phần đều góp phần đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT; nghiên cứu định dạng chuẩn đầu ra dưới dạng các chứng chỉ xác nhận kỹ năng chuyên môn thực hành/thực tiễn cơ bản; nghiên cứu bổ sung nội dung và thời lượng cho khối kiến thức chuyên ngành để đảm bảo sự nổi trội của CTĐT so với các CTĐT hệ chuẩn tương ứng; xây dựng nội dung bài giảng mang tính tích hợp thể hiện qua các ví dụ, bài tập liên quan đến vấn đề thực tế cơ bản của chuyên ngành.

(iv). Khảo sát, lấy ý kiến đầy đủ của các bên liên quan để điều chỉnh, cập nhật mục tiêu giáo dục/triết lý giáo dục hướng tới bồi dưỡng cho người học kỹ năng học tập suốt đời; tăng cường tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về triết lý/mục tiêu giáo dục cho các bên liên quan; tăng cường áp dụng công nghệ thông tin/công nghệ số trong hoạt động dạy và học: hỗ trợ tra cứu tài liệu trực tuyến (nhất là các tài liệu nước ngoài), áp dụng các phần mềm chuyên ngành trong dạy và học, tiến hành các bài thí nghiệm mô phỏng trên máy tính,...; đối với các khối kiến thức bổ sung các ví dụ minh họa, bài tập liên quan đến các nhóm nghề nghiệp tương lai của sinh viên sau khi tốt nghiệp để tăng cường kỹ năng chuyên sâu; tăng cường thời lượng thực tập, kiến tập, thực hành tại các cơ quan, doanh nghiệp bên ngoài, các hoạt động dã ngoại, tiếp xúc môi trường công việc thực tế; tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động giảng dạy của giảng viên, việc hướng dẫn người học tự học, tự nghiên cứu, học qua làm nghiên cứu, học thông qua quan sát và giải quyết tình huống thực tế,... một cách thường xuyên, có hệ thống làm căn cứ cải tiến chất lượng.

(v). Quy định cụ thể về quy trình xây dựng các tiêu mục đề thi, ngân hàng đề thi đảm bảo tính khoa học, độ tin cậy và đánh giá được năng lực người học theo chuẩn đầu ra; tổ chức tập huấn, hướng dẫn việc xây dựng, sử dụng và có cơ chế giám sát việc thực hiện; rà soát, bổ sung đầy đủ các mô tả về kiểm tra đánh giá, cơ chế phản hồi kết quả đánh giá trong tất cả đề cương chi tiết các học phần để thể hiện rõ yêu cầu cần đạt được của chuẩn đầu ra; xác định rõ vai trò, trách nhiệm của bộ phận khảo thí, đảm bảo chất lượng trong hoạt động đổi mới dạy học, kiểm tra đánh giá.

(vi). Sớm lập quy hoạch chính thức đội ngũ giảng viên cho CTĐT căn cứ quy hoạch phát triển các ngành đào tạo do Khoa phụ trách và đảm bảo các tiêu chí về học vị, công bố khoa học, trình độ ngoại ngữ theo quy định; xác định rõ nhu cầu phát triển chuyên môn dựa trên các tiêu chí đánh giá năng lực; quản trị theo kết quả công việc; xây dựng kế hoạch tổ chức các hội nghị khoa học quốc tế, dự án chuyển giao công nghệ và hợp đồng nghiên cứu, hợp tác theo địa chỉ.

(vii). Ban hành văn bản quy hoạch chính thức đội ngũ nhân viên cho CTĐT với các tiêu chí lựa chọn và yêu cầu năng lực thực hiện công việc cụ thể; khảo sát thường xuyên sự hài lòng của các bên liên quan để có kế hoạch cải tiến phù hợp.

(viii). Xác định yêu cầu cụ thể đối với tiêu chí đầu vào của CTĐT đảm bảo cao hơn so với CTĐT hệ chuẩn tương ứng về kiến thức cơ bản, trình độ ngoại ngữ,...; tổ chức kiểm tra phân loại để có kế hoạch đào tạo phù hợp với từng nhóm năng lực; rà soát lại các hoạt động, mục tiêu của hệ thống giám sát, hỗ trợ người học cho phù hợp, tương thích với các yêu cầu của chuẩn đầu ra; có biện pháp tạo không gian phù hợp cho người học sinh hoạt văn hóa văn nghệ và luyện tập thể dục thể thao.

(ix). Hoàn thiện và trang bị hiện đại hơn cho hệ thống các phòng sinh hoạt chuyên đề, tự học, hệ thống tra cứu tài liệu trực tuyến, phòng học ngoại ngữ; phối hợp với Trung tâm Thông tin

tin - Thư viện lập kế hoạch hàng năm để bổ sung đầy đủ học liệu cho ngành đào tạo và chia sẻ với các ngành khác trong Khoa, Trường; rà soát và cải tiến công tác quản lý, bảo trì trang thiết bị thực hành, thí nghiệm theo kế hoạch; tăng cường công tác bảo vệ, quản lý ký túc xá, đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục cho sinh viên về nếp sống văn minh, kỷ luật học đường, bảo vệ môi trường và ý thức cộng đồng.

(x). Thực hiện khảo sát đầy đủ các đối tượng liên quan; có hướng dẫn phương pháp xử lý số liệu và cách thức xác định phương án đề xuất cải tiến chất lượng; giao cho bộ phận chuyên trách có kỹ thuật làm đầu mối thực hiện; xây dựng cơ chế sử dụng kết quả khảo sát một cách triệt để, thực chất để có những thay đổi có ý nghĩa đối với nội dung CTTT; tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm về những kết quả đạt được sau một năm triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng làm căn cứ xây dựng kế hoạch cải tiến cụ thể, chi tiết đối với ngành đào tạo, lưu ý xác định rõ những nội dung cần triển khai, dự kiến kết quả, thời gian hoàn thành và nguồn lực thực hiện.

(xi). Thường xuyên khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan; xử lý, phân tích kết quả khảo sát làm căn cứ đề xuất các kiến nghị cải tiến cụ thể; dành thời lượng nhiều hơn, cải tiến mạnh hơn việc đào tạo ngoại ngữ, thực hành, thực tập; tách bạch, mạch lạc về dữ liệu quản lý.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng, Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng CTTT ngành Kỹ thuật xây dựng (chuyên sâu xây dựng Công trình giao thông) gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Đại học Quốc gia Hà Nội.

